TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP.ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2017
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Gạt

Ông Lê Duy Cửu

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2017 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1991; HKTT: Thôn Q, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hà Anh T, sinh năm 1988; địa chỉ nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05/4/2017, lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng cũng như ý kiến trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn là bà Võ Thị Kim T như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hà Anh T tự nguyện đăng kết hôn vào ngày 20/11/2005, tại UBND xã N, huyện H, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2009, quyển số 01. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng ở thôn S, xã N, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Lúc đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến ngày 23/01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên cải vã gây ồn ào trong gia đình và thôn xóm. Từ khi bà nộp đơn ly hôn đến nay, ông T không

có biểu hiện gì quan tâm cuộc hôn nhân này và cũng không thay đổi gì. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên từ tháng 07/2017 bà dẫn con Hà Anh Gia H1 về nhà mẹ ruột sống còn con Hà Anh Gia H2 sống với ông T và ông bà nội. Hiện nay, vợ chồng bà sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc nhau. Bà xác định không còn yêu thương ông T nữa nên xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

2. Về quan hệ con chung: Có hai con chung tên là Hà Anh Gia H1, sinh ngày 06/7/2011 và Hà Anh Gia H2, sinh ngày 29/11/2014. Ly hôn, bà xin nuôi con Hà Anh Gia H2, để ông T nuôi con Hà Anh Gia H1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không có.

4. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Hà Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng đều vắng mặt và không có bản tự khai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông T. Về con chung: Giao con Hà Anh Gia H2, sinh ngày 29/11/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Hà Anh Gia H1, sinh ngày 06/7/2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Bản gốc giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân ông T và bà T; bản sao sổ hộ khẩu chủ hộ Hà Anh T; bản sao sổ hộ khẩu chủ hộ Võ Như B; bản sao giấy khai sinh con Hà Anh Gia H2, Hà Anh Gia H1; biên lai thu tạm ứng án phí số 3088; bản tự khai của bà T; biên bản lấy lời khai bà T; đơn xin xác nhận.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết các bên đã thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa bà Võ Thị Kim T và ông Hà Anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất, phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, không ai xuất trình thêm chứng cứ, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Thủ tục tố tụng đã đảm bảo nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim T và ông Hà Anh T đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2005 tại UBND xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2009, quyển số 01 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên có giá trị pháp lý. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông T thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không có trách nhiệm với vợ con nên bà T cùng con Hà Anh Gia H2 về nhà mẹ ruột của bà T sinh sống từ tháng 7/2017 cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý đến nay, ông T không đến Tòa án, không thể hiện sự quan tâm, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, đời sống hôn nhân của ông T, bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể níu kéo được nữa. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên là Hà Anh Gia H1, sinh ngày 06/7/2011 và Hà Anh Gia H2, sinh ngày 29/11/2014. Hiện nay cháu Gia H1 đang sống với ông T còn cháu Gia H2 đang sống với bà T. Bản thân ông T làm nghề lái xe, bà T làm công nhân, cả hai đều có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc bà T đề nghị cho bà được nuôi con Gia H2, giao con Gia H1 cho ông T nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3088 ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của

Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị Kim T và ông Hà Anh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Hà Anh Gia H1, sinh ngày 06/7/2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Hà Anh Gia H2, sinh ngày 29/11/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3088 ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Ninh, H. Hòa Vang
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG